TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2019
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Khánh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trình.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2019/QĐST - DS ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Gi**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Th A, huyện Th Ch, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà E1/2T4, đường Q Đ, Ấp 5, xã V L A, huyện B Ch, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Anh **Ngọc Văn C**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xóm M 1, xã T L, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Gi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, bản tự khai ngày 02/7/2019 nguyên đơn chị Trần Thị Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Gi và anh Ngọc Văn C đều đi làm ở trong Miền Nam có phát sinh tình cảm và đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, khi chung sống với nhau chị Gi và anh C đều có sự tìm hiểu tự nguyện. Đến ngày 26/02/2016 chị và anh C mới về quê anh C để làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi về quê làm thủ tục đăng ký kết hôn vợ chồng ở chung cùng với mẹ đẻ anh C là bà Đinh Thị Ch tại xã Tân Lập được khoảng hơn một tháng thì vợ chồng lại bàn với nhau vào Miền Nam làm ăn kinh tế. Khi vào Miền nam làm ăn vợ chồng thuê nhà trọ để ở, chị Gi làm kế toán công ty tư nhân, còn anh C làm lao động tự do. Đến tháng 8 năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C ham chơi bời không chịu tập trung tu trí làm ăn, lo cho gia đình, anh C còn hay đánh cờ bạc, tụ tập bạn bè uống rượu, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị Gi có khuyên bảo thì anh C còn đánh chị. Vì không chịu đựng được cuộc sống chung vợ chồng đến cuối tháng 8 năm 2017 chị Gi và anh C đã sống ly thân, anh C chuyển đi nơi khác để ở, làm việc, không chung sống cùng với chị nữa, từ khi ly thân chị và anh C không có liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Nay vợ chồng ly thân đã lâu, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh C để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trước khi đăng ký kết hôn thì chị và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 và có với nhau một người con chung là cháu Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 04/5/2011, hiện cháu đang ở với chị từ khi vợ chồng sống ly thân, được chị chăm sóc, nuôi ăn học đầy đủ, hiện nay cháu đang học lớp 2 trường tiểu học Ngô Quyền, quận Bình Tân - Tp Hồ Chí Minh, được nhà trường đăng ký tạm trú (KT3) để đi học. Từ khi ly thân anh C ít có trách nhiệm với con chung. Ly hôn chị Gi xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm kế toán tại Công ty TNHH TM Vĩnh Lộc Phát, địa chỉ: Ấp 5, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, có thu nhập hàng tháng khoảng hơn 10.000.000đ, hiện nay chị và cháu đang ở nhà công vụ của công ty, nhà cửa kiên cố, ổn định.

Về tài sản chung; nợ chung; công sức đóng góp: Chị Gi xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Phía bị đơn, anh Ngọc Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa anh C với chị Gi, lấy lời khai của mẹ đẻ anh C. Theo kết quả xác minh ngày 16/8/2019 tại khu hành chính xóm Mít 1, xã Tân Lập xác định anh C có hộ khẩu thường trú tại xóm Mít 1, xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tại biên bản lấy lời khai

ngày 16/8/2019 của bà Đinh Thị Ch là mẹ đẻ anh C xác định: Anh C đi làm ăn ở trong Miền Nam tình cờ quen biết gặp chị Gi, hai bên nảy sinh tình cảm nên đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến tháng 2 năm 2016 anh C và chị Gi mới về quê để làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn anh C và chị Gi ở chung với gia đình bà được thời gian ngắn, sau đó vợ chồng bàn với nhau tiếp tục đi vào Miền Nam để làm ăn kinh tế. Bà có nghe các con nói lại trong cuộc sống chung giữa anh C và chị Gi phát sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C có bảo chị Gi là vợ chồng cùng về quê để làm ăn, sinh sống, tuy nhiên chị Gi không chịu đựng được cuộc sống nghèo khó ở quê nên không về, từ đó dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau, nghi ngờ tình cảm của nhau, hiện nay anh C và chị Gi đang sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau. Theo bà Chi vợ chồng anh C và chị Gi ly thân đã lâu, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Bà Ch xác định trước khi đăng ký kết hôn anh C và chị Gi chung sống với nhau từ năm 2011, có với nhau một người con chung là cháu Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 04/5/2011, hiện tại cháu đang ở với chị Gi tại Tp. Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng chị Gi có đưa cháu về chơi với bà mấy ngày rồi lại đi. Quan điểm gia đình đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Gi được nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, từ khi chị Gi và anh C sống ly thân anh C không hỏi han và có trách nhiệm gì với con, bản thân chị Gi có công ăn việc làm ổn định. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà Ch trình bày vợ chồng anh C và chị Gi không có. Hiện nay anh C đi làm ăn ở Miền Nam, bà Ch cũng không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh C vẫn gọi điện và thường xuyên về thăm nhà, gia đình, họ hàng, khi có công việc bà Ch gọi thì anh C vẫn thu xếp công việc để về. Gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà Ch có trực tiếp gọi điện cho anh C nói chuyện về việc chị Gi xin ly hôn, anh C nói lại với bà có biết việc đó, chị Gi cũng có nói với anh về việc ly hôn nhưng anh bảo với bà là do công việc bận, đi làm ăn xa nên anh không về được, vợ chồng sống ly thân đã lâu, anh xác định tình cảm với chị Gi không còn nên đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Về con chung: Cháu Đ hiện đang ở với chị Gi, anh nhất trí để chị nuôi dưỡng. Anh C còn nói với bà là nhờ bà Ch nhận hộ các giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án khi anh không ở nhà, sau đó thông báo cho anh được biết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày ngày 30/9/2019; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Gi, xử cho chị Gi được ly hôn anh Ngọc Văn C. Về con chung: Giao cháu Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 04/5/2011 cho chị Gi được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Đạt thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Gi tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị Gi phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/7/2019 chị Trần Thị Gi nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với anh Ngọc Văn C, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị Gi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ngọc Văn C được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Gi, anh C là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Gi và anh Ngọc Văn C sống với nhau như vợ chồng và có con chung từ năm 2011, sinh sống với nhau như thế là không đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tháng 02 năm 2016 anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú thọ, từ thời điểm này đã là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Gi sinh con khi ở độ tuổi 16 tuổi 10 tháng 03 ngày nên không có căn cứ xác định anh C giao cấu với chị Gi khi chị Gi chưa đủ 16 tuổi. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình mẹ đẻ anh C tại xã Tân Lập được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng bàn với nhau đi vào miền nam để làm ăn kinh tế. Đến tháng 8 năm 2017 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, anh C có bảo chị Gi về quê để làm ăn, sinh sống, nuôi dạy con cái nhưng chị không về, từ đó

lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng chính thức sống ly thân từ thời gian đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau, nội dung này đã được nguyên đơn trình bày tại bản tự khai. Kết quả thu thập chứng cứ cũng xác định vợ chồng chị Gi, anh C có mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, thực tế anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị Gi và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Gi xin ly hôn với anh C là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Gi và anh C có 01 con chung là cháu Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 04/5/2011, hiện cháu đang ở với chị Gi tại Tp. Hồ Chí Minh. Khi ly hôn quan điểm chị Gi xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, chị không yêu cầu cấp dưỡng. Anh C không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị Gi và anh C ly thân năm 2017 đến nay, cháu Đạt vẫn ở với chị Gi và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, bản thân anh C không quan tâm hoặc chu cấp gì để chị Gi nuôi con, điều đó thể hiện anh C thiếu trách nhiệm với con chung. Tại bản tự khai ngày 02/7/2019 nguyện vọng của cháu Đ xin được ở với mẹ. Chị Gi có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Để đảm bảo sự phát triển bình thường, cháu có điều kiện ăn học tốt nhất, phát triển toàn diện, tránh được sự sáo trộn về tâm lý cũng như ảnh hưởng đến việc học tập của cháu Đ cần giao con chung của anh chị cho chị Gi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị Gi tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Gi xác định không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh C không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Gi phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Gi đối với anh Ngọc Văn C. Xử cho chị Trần Thị Gi được ly hôn anh Ngọc Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 04/5/2011 cho chị Trần Thị Gi được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ thành niên. Anh Ngọc Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Gi tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Ngọc Văn C không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Gi phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Gi đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001766 ngày 02/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện.*
- *UBND xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Quang Khải